

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 01 - 2021
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tú Anh
2. Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020; về tranh chấp: “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **L**, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp K, xã A, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).
2. *Bị đơn:* Bà **T**, sinh năm 1983. Nơi cư trú cuối cùng: ấp K, xã A, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông L trình bày:

Ông và bà T qua quen biết tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2005; đăng ký kết hôn ngày 27/9/2006 tại UBND xã A, huyện P (huyện M cũ), tỉnh Vĩnh Long. Nữ trang cưới có 05 (năm) chỉ vàng 24K; trong thời gian chung sống vợ chồng đã bán chi tiêu hết, hiện nay không còn. Sau khi cưới, ông bà về sống chung hạnh phúc được khoảng 07 năm có 01 con chung: H, sinh ngày 10/8/2006, hiện sống với ông. Tài sản chung: không có.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cự cãi, gây gổ với nhau về vấn đề tiền bạc kinh tế trong gia đình đến mức trầm trọng, bà T thường xuyên vắng nhà. Ông đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được, từ đó đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Vào ngày 01/01/2015 bà T bỏ nhà đi, không thông báo cho ông và người thân biết, do ông bận việc làm ăn không có ở nhà thường xuyên, khi về nhà thì nhìn quần áo của bà T đã không còn. Ông có đi tìm và hỏi thăm nhưng không ai biết địa chỉ cụ thể và có thể liên lạc được với bà T. Thậm chí ông có về bên cha mẹ ruột của bà T, đều không ai biết; bà T không liên lạc về nhà hay bất kỳ với ai. Ngày 19/02/2020 ông đã làm thủ tục việc dân sự đăng tin trên báo, đài truyền hình, các cổng thông tin điện tử nhằm tìm được thông tin liên lạc với bà T nhưng ông không nhận được bất kỳ thông tin gì của bà T, bà T cũng không trở về. Đến ngày 29/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tuyên bố bà T đã mất tích. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn bà T; về con chung: H, sinh ngày 10/8/2006 ông yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2020 cháu H trình bày:* cha cháu là L, mẹ cháu là T; cha mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu muốn được sống với cha.

- *Tại phiên tòa:* ông L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bà T, bà T có nơi cư trú cuối cùng thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn bà T tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng bà T vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà T.

[1.3] Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên bà T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Bà T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn là ông L và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa ông L và bà T là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông L. Bà T bỏ đi không tiếp tục sống chung với ông L từ ngày 01/01/2015 đến nay không có tin tức gì. Ngày 19/02/2020 ông L đã làm thủ tục việc dân sự đăng tin trên báo, đài truyền hình, các cổng thông tin điện tử nhằm tìm được thông tin liên lạc với bà T nhưng ông L không nhận được bất kỳ thông tin gì của bà T, bà T cũng không trở về. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2020/VDS.ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tuyên bố bà T, sinh năm 1983, nơi cư trú cuối cùng: ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long mất tích kể từ ngày 29/9/2020. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông L được ly hôn bà T là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Ông L yêu cầu được quyền nuôi H, sinh ngày 10/8/2006

Xét thấy kể từ ngày bà T bỏ đi cho đến nay, ông L là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo; đồng thời cháu H có nguyện vọng sống với cha. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên ông L không yêu cầu bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: ông L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: ông L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông L và bà T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung H, sinh ngày 10/8/2006 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L không yêu cầu bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: ông L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do ông L nộp theo biên lai thu số 0011707 ngày 18/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy ông L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Tân An Thạnh, H. Bình Tân, T. Vĩnh Long.
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân